



BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định và hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định và hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định và hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ, gồm:

- Nguyên tắc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và khen thưởng.
- Tổ chức thi đua, danh hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.
- Hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng.
- Thẩm quyền quyết định khen thưởng và trao tặng.
- Quy trình, hồ sơ đề nghị khen thưởng.
- Quý thi đua, khen thưởng, mức tiền thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cá nhân
 - Cá nhân giữ chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ, chiến sĩ Dân quân tự vệ;
 - Cá nhân không thuộc các thành phần của Dân quân tự vệ có thành tích, đóng góp trong công tác Dân quân tự vệ;
 - Cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân người nước ngoài có đóng góp trong công tác Dân quân tự vệ.

2. Tập thể

- a) Đơn vị Dân quân tự vệ từ cấp tiểu đội và tương đương trở lên;
- b) Ban chỉ huy quân sự cấp xã;
- c) Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương;
- d) Cơ quan, đơn vị quân đội;
- đ) Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế; tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có đóng góp trong công tác Dân quân tự vệ.

Điều 3. Nguyên tắc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện quy định tại các Điều 5, 7 và Điều 10 của Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 4 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây viết gọn là Nghị định số 98/2023/NĐ-CP).

2. Việc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với Dân quân tự vệ do cơ quan quân sự các cấp thực hiện dưới sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức; sự chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên và phối hợp của cơ quan thi đua, khen thưởng cùng cấp.

3. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng đối với cá nhân đang trong thời gian thi hành kỷ luật; cá nhân, tập thể đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn, thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ, chưa kết luận.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng trong lực lượng Dân quân tự vệ; quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Tổng cục Chính trị chủ trì, phối hợp với Bộ Tổng Tham mưu và các cơ quan có liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả công tác thi đua, khen thưởng trong lực lượng Dân quân tự vệ; tham mưu, xem xét đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

4. Thủ trưởng quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Cảnh sát biển Việt Nam, binh chủng, binh đoàn chỉ đạo, phát động, tổ chức phong trào thi đua; xem xét, khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với Dân quân tự vệ theo quy định tại Thông tư này.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong Dân quân tự vệ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

6. Cơ quan quân sự địa phương chỉ đạo, phát động, tổ chức phong trào thi đua; xem xét, khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với Dân quân tự vệ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Thông tư này.

7. Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tổ chức phong trào thi đua; xem xét, khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với lực lượng tự vệ thuộc quyền.

8. Cơ quan Dân quân tự vệ các cấp, trợ lý Dân quân tự vệ thuộc Ban chỉ huy quân sự cấp huyện, Ban chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, cán bộ đảm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp tham mưu tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ.

Chương II TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra nội dung, chỉ tiêu thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung, chỉ tiêu thi đua phải phù hợp với thực tế của địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị Dân quân tự vệ.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện, hội thi, hội thao và hoạt động của Dân quân tự vệ để xác định hình thức tổ chức phát động thi đua phù hợp, tránh biểu hiện hình thức trong thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức thực hiện phong trào thi đua, theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thi đua.

4. Sơ kết, tổng kết thi đua: Kết thúc mỗi phong trào thi đua hoặc đợt thi đua, các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thi đua, lựa chọn cá nhân, tập thể xuất sắc tiêu biểu để biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng. Đối với đợt thi đua dài ngày, có thể tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm.

Điều 6. Phạm vi tổ chức thi đua

1. Phạm vi tổ chức thi đua của Dân quân tự vệ nằm trong phong trào thi đua Quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam, gắn với phong trào thi đua yêu nước của các bộ, ngành trung ương, địa phương và toàn quốc.

2. Phong trào thi đua trong Dân quân tự vệ được tổ chức phát động trong phạm vi toàn quốc hoặc trong từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương. Việc phát động thi đua thường xuyên hằng năm, do cơ quan quân sự địa phương các cấp, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có lực lượng Dân quân tự vệ, Ban chỉ huy quân sự các bộ, ngành trung ương đến cơ sở thực hiện.

Điều 7. Danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân

- a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;
- b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quân”;
- c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- d) Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Đối với tập thể

- a) Danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”;
- b) Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ; công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quân”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quân” tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Việc xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ; xem xét, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được thực hiện theo phân cấp đề nghị khen thưởng từ đơn vị cơ sở đến cấp Bộ Quốc phòng.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”

Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” xét tặng hằng năm cho cá nhân Dân quân thường trực, Dân quân tự vệ cơ động, đạt các tiêu chuẩn sau:

- 1. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, quy định của địa phương;
- 2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 100% nội dung thi, kiểm tra đạt yêu cầu, trong đó có 65% trở lên đạt khá, giỏi;
- 3. Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, gương mẫu, tích cực tham gia phong trào thi đua, đóng góp tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 12. Danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”

Danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng” xét tặng hằng năm cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; trung đội, đại đội Dân quân thường trực, Dân quân tự vệ cơ động, đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
2. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; có 100% nội dung thi, kiểm tra đạt yêu cầu, trong đó có từ 75% đạt khá, giỏi trở lên;
3. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
4. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội. Tổ chức đảng, tổ chức quần chúng (nếu có) đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Điều 13. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”

Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” xét tặng hằng năm cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; đơn vị Dân quân thường trực, đơn vị Dân quân tự vệ cơ động, đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
3. Có 100% các nội dung thi hoặc kiểm tra đạt yêu cầu trở lên, trong đó có từ 65% trở lên đạt khá, giỏi;
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội; không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Tổ chức cơ sở đảng, tổ chức quần chúng (nếu có) đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 14. Các hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 76 của Luật Thi đua, khen thưởng. Cụ thể như sau:

1. Huân chương;
2. Huy chương;
3. Danh hiệu vinh dự nhà nước;
4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;
5. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”;
6. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng”;
7. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”;
8. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh;

9. Bằng khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;

10. Giấy khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng; Giấy khen của Thủ trưởng sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, cục, vụ, viện và tương đương;

11. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc Bộ, ban, ngành; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 15. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng”

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng” xét tặng cho cá nhân giữ chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ, chiến sĩ Dân quân tự vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ; cá nhân có nhiều công lao, đóng góp đối với Dân quân tự vệ Việt Nam, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Cá nhân giữ chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ có thời gian công tác liên tục trong lực lượng Dân quân tự vệ từ đủ 10 năm trở lên; không vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

b) Cá nhân không thuộc thành phần Dân quân tự vệ, có từ đủ 10 năm trở lên trực tiếp làm công tác Dân quân tự vệ, được cấp có thẩm quyền công nhận;

c) Chiến sĩ Dân quân tự vệ có thời gian công tác liên tục trong lực lượng Dân quân tự vệ từ đủ 06 năm trở lên; không vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Cá nhân giữ chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ, chiến sĩ Dân quân tự vệ được khen thưởng cấp nhà nước về thành tích thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng;

đ) Người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài có nhiều công lao, đóng góp đối với Dân quân tự vệ Việt Nam, được cấp có thẩm quyền công nhận.

e) Trường hợp đặc biệt, do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng” chỉ tặng một lần cho mỗi cá nhân.

Điều 16. Bằng khen của “Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”

1. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân giữ chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ, chiến sĩ Dân quân tự vệ gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do Bộ Quốc phòng phát động, tổ chức hoặc đạt kết quả cao trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ do Bộ Quốc phòng tổ chức.

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lực lượng Dân quân tự vệ.

c) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

2. Cá nhân không thuộc các thành phần của Dân quân tự vệ có đóng góp đối với công tác Dân quân tự vệ, được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

3. "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng" để tặng cho tập thể Dân quân tự vệ gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do Bộ Quốc phòng phát động, tổ chức hoặc đạt kết quả cao trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập; sơ kết, tổng kết nhiệm vụ do Bộ Quốc phòng tổ chức.

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lực lượng Dân quân tự vệ.

c) Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu "Đơn vị Quyết thắng" hoặc có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các phong trào thi đua, dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Tập thể không thuộc tổ chức của Dân quân tự vệ có đóng góp tích cực đối với công tác Dân quân tự vệ, được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

5. "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng" để tặng cho cá nhân, tập thể và hộ gia đình có nhiều thành tích, đóng góp vào quá trình xây dựng, phát triển lực lượng Dân quân tự vệ.

Điều 17. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh

Thực hiện theo Điều 74 của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

Điều 18. Bằng khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Bằng khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng để tặng cho cá nhân giữ chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ, chiến sĩ Dân quân tự vệ gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, đợt thi đua, cuộc vận động do cấp trên hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng phát động, tổ chức.

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng.

c) Đạt kết quả, thành tích cao trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập; sơ kết, tổng kết nhiệm vụ do đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng phát động, tổ chức.

2. Bằng khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng để tặng cho tập thể Dân quân tự vệ gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, đợt thi đua, cuộc vận động do cấp trên hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng phát động, tổ chức.

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng.

c) Đạt kết quả cao trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập; sơ kết, tổng kết nhiệm vụ do đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức.

3. Bằng khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng để tặng cho cá nhân, tập thể có nhiều thành tích, đóng góp đối với quá trình xây dựng, phát triển của lực lượng Dân quân tự vệ, được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

Điều 19. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc Bộ, ban, ngành; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc Bộ, ban, ngành; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng và quy định của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

Điều 20. Giấy khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng; Giấy khen của Thủ trưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, ban chỉ huy quân sự cấp huyện, cục, vụ, viện và tương đương

1. Giấy khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng; Giấy khen của Thủ trưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh,

ban chỉ huy quân sự cấp huyện, cục, vụ, viện và tương đương để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, đợt thi đua, cuộc vận động do cấp trên hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng phát động, tổ chức.

b) Lập được thành tích trong thực hiện nhiệm vụ hoặc thành tích đột xuất.

2. Giấy khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng; Giấy khen của Thủ trưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, ban chỉ huy quân sự cấp huyện, cục, vụ, viện và tương đương để tặng cho tập thể Dân quân tự vệ gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động, thực hiện nhiệm vụ do cấp trên hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng.

b) Lập được thành tích trong thực hiện nhiệm vụ hoặc thành tích đột xuất.

3. Giấy khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng; Giấy khen của Thủ trưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, ban chỉ huy quân sự cấp huyện, cục, vụ, viện và tương đương để tặng cho cá nhân, tập thể có thành tích, đóng góp đối với công tác Dân quân tự vệ.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG VÀ TRAO TẶNG

Điều 21. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

a) Tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quân";

b) Tặng, truy tặng "Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng";

c) Tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng".

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

a) Tặng danh hiệu "Đơn vị Quyết thắng";

b) Tặng Bằng khen, Giấy khen của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định khen thưởng đối với Dân quân tự vệ thuộc quyền với các hình thức khen thưởng quy định tại các Điều 79, 80 và Điều 81 của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định của người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

4. Thủ trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh

a) Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, Giấy khen cho cá nhân cao nhất đến tiêu đoàn trưởng Dân quân tự vệ hoặc tương đương;

b) Tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, Giấy khen cho tập thể cao nhất đến cấp tiêu đoàn Dân quân tự vệ hoặc tương đương.

5. Thủ trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện

a) Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, Giấy khen cho cá nhân cao nhất đến đại đội trưởng Dân quân tự vệ hoặc tương đương;

b) Tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, Giấy khen cho tập thể cao nhất đến cấp đại đội Dân quân tự vệ hoặc tương đương.

Điều 22. Trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Thực hiện theo Điều 82 của Luật Thi đua, khen thưởng; các Điều 24, 25, 26 và Điều 27 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP; Thông tư số 199/2016/TT-BQP ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương V

QUY TRÌNH, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 23. Quy trình xét đề nghị khen thưởng

1. Tổ chức báo công, bình công: Cá nhân, tập thể báo cáo thành tích tại hội nghị bình xét khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Hội nghị tiến hành bình xét, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

2. Cơ quan, cán bộ (nơi không có cơ quan Dân quân tự vệ) đảm nhiệm công tác Dân quân tự vệ tổng hợp, báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị (qua cơ quan đảm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng) cùng cấp tổng hợp báo cáo.

3. Hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng họp xem xét, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay đối với từng cá nhân, tập thể.

4. Cơ quan chính trị, cán bộ chính trị (nơi không có cơ quan chính trị) hoặc cơ quan, cán bộ đảm nhiệm công tác Dân quân tự vệ (nơi không có cơ quan chính trị, cán bộ chính trị) tổng hợp, báo cáo cấp ủy đảng (ban thường vụ đảng ủy) cùng cấp xem xét, quyết nghị.

5. Căn cứ quyết nghị của cấp ủy đảng (ban thường vụ đảng ủy), người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

6. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng; chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương xem xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Dân quân tự vệ).

7. Cục Dân quân tự vệ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định thành tích, báo cáo Thủ tướng Bộ Tổng Tham mưu xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Tuyên huấn).

8. Cục Tuyên huấn tổng hợp, báo cáo Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, quyết định khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 24. Hồ sơ khen thưởng

1. Quy định chung về hồ sơ

a) Cấp nào quản lý về tổ chức, cá nhân thuộc tổ chức, thành phần của Dân quân tự vệ và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng. Báo cáo thành tích thực hiện theo mẫu từ số 02 đến số 11, quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP. Nội dung báo cáo thành tích phải có đủ các căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng. Khi trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phải đóng dấu giáp lai; đồng thời gửi file điện tử của hồ sơ đến Cục Dân quân tự vệ, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật Nhà nước, bí mật quân sự.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng, gồm:

a) Tờ trình của đơn vị: Thực hiện theo mẫu số 01, quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP của Chính phủ);

b) Danh sách đề nghị tặng thưởng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể đề nghị tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, có xác nhận của cấp trình khen thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng "Bằng khen của Bộ Quốc phòng", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Huân chương 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Biên bản xét khen thưởng của hội đồng thi đua - khen thưởng.

4. Hồ sơ đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" được lập thành 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín của hội đồng thi đua - khen thưởng;

c) Hồ sơ, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản áp dụng trong trường hợp khen thưởng đột xuất được lập thành 01 bộ (bản chính), gồm:

- a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;
- b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trình khen.

6. Hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng” được lập thành 01 bộ (bản chính), gồm:

- a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị;
- b) Danh sách đề nghị tặng Kỷ niệm chương (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này);
- c) Tờ khai của cá nhân, có xác nhận của cấp trình khen (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 25. Thời điểm báo cáo hồ sơ đề nghị khen thưởng; thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

1. Thời điểm báo cáo hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo đề nghị tặng danh hiệu thi đua; khen thưởng theo công trạng; Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng” về Bộ Quốc phòng (qua Cục Dân quân tự vệ) trước ngày 15 tháng 3 và trước ngày 15 tháng 7 hằng năm.

b) Khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất: Các cơ quan, đơn vị báo cáo đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích.

c) Khen thưởng thi đua theo chuyên đề, sơ kết, tổng kết, hội thi, hội thao, hội diễn: Thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

a) Trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị khen thưởng, Cục Dân quân tự vệ hoặc Cục Tuyên huấn thông báo bằng văn bản đến đơn vị trình khen thưởng.

b) Sau khi nhận được quyết định và hiện vật khen thưởng của cấp có thẩm quyền, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Cục Tuyên huấn sao quyết định gửi đến đơn vị trình khen thưởng.

c) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền, trong thời hạn 10 ngày làm việc, đơn vị trình khen thưởng thông báo cho cá nhân, tập thể được khen thưởng.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC TIỀN THƯỞNG

Điều 26. Thành lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại các Điều 36, 37, 38 và Điều 39 của Luật Dân quân tự vệ; Điều 11 của Luật Thi đua, khen thưởng; các Điều 50, 51 và Điều 52 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP của Chính phủ và những quy định cụ thể về nguồn bảo đảm và việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Đối với các hình thức khen thưởng do Thủ trưởng cơ quan quân sự địa phương các cấp; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức ở trung ương quyết định khen thưởng

a) Nguồn kinh phí khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ; Điều 11 của Luật Thi đua, khen thưởng; các Điều 50, 51 và Điều 52 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Hằng năm, cơ quan quân sự địa phương các cấp; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở Trung ương lập kế hoạch dự toán, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức cùng cấp xem xét, quyết định.

3. Đối với các hình thức khen thưởng do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định khen thưởng.

a) Nguồn kinh phí khen thưởng được sử dụng trong quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ Quốc phòng;

b) Hằng năm, các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch dự toán ngân sách khen thưởng về Dân quân tự vệ báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính Bộ Quốc phòng);

c) Cục Tài chính Bộ Quốc phòng rà soát, thẩm định kinh phí khen thưởng khen thưởng, báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng xét duyệt.

d) Cục Tuyên huấn chịu trách nhiệm lập dự toán, quản lý, đảm bảo ngân sách, vật tư khen thưởng đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và cấp Bộ Quốc phòng về Dân quân tự vệ.

Điều 27. Mức tiền thưởng

Mức tiền thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: Thực hiện theo các Điều 50, 51 và Điều 52 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.
2. Thông tư số 57/2020/TT-BQP ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Bộ Quốc phòng về hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong lực lượng Dân quân tự vệ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Tham mưu trưởng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong Quân đội; Chỉ huy Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành Trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các bộ, ngành trung ương, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Tổng cục Chính trị) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- UBTWMITQ Việt Nam;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; cơ quan TW của các đoàn thể;
- Tòa án NDTC, Viện kiểm sát NDTC; Kiểm toán Nhà nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Chủ nhiệm TCCT; TMFT; các đồng chí Thứ trưởng Bộ Quốc phòng;
- Các đơn vị trực thuộc QUTW-BQP;
- BTL Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ CHQS các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Thành viên Hội đồng TD-KT BQP;
- C10, C12, C20, C57, C41,
- Cổng Thông tin điện tử, Công báo Chính phủ; Cổng Thông tin điện tử BQP;
- Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT, NCTH. Tam336.

